

Bản án số: **128/2024/HS-ST**
Ngày 01 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính
2. Bà Lý Ngọc Mạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Xuân Hiền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 119/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Huyền M1; sinh năm 1966; tại Bà Rịa - Vũng Tàu; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: 124/31/8/15 B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: D Ấp D, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng T (đã chết) và bà Trần Thị M; có chồng Nguyễn Thanh H (đã chết) và có 01 con sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 10/12/2023 đến nay. (có mặt)

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Căn hộ A.03.08 Block A1, Tầng C, Chung cư G, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Huyền M1 là người giúp việc nhà cho bà Nguyễn Thị Kim T1 tại căn hộ A.03.08 Block A1, Tầng C, Chung cư G, Phường E, Quận H, từ khoảng tháng 3 năm 2023 đến đầu tháng 12 năm 2023. Thời gian M1 làm việc tại căn hộ của bà T1 là từ 06 giờ 30 phút đến khoảng 15 giờ hàng ngày. Khoảng 22 giờ, ngày 05/12/2023, bà T1 đi làm về nhà có để 01 ba lô màu đen, nhãn hiệu Adidas, bên trong ba lô có 03 bó tiền, trong đó 01 bó tiền trị giá 45.550.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) cột dây thun màu vàng, với nhiều

mệnh giá khác nhau, mệnh giá thấp nhất là 10.000 đồng (mười nghìn đồng) mệnh giá cao nhất là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và 02 bó tiền (chị T1 không nhớ trị giá bao nhiêu, được cột bằng dây thun màu đen) tại dưới giường trong phòng ngủ của bà T1. Đến khoảng 07 giờ, ngày 06/12/2023, bà T1 thức dậy và đi ra phòng khách ngồi làm việc thì thấy M1 đã đến dọn dẹp nhà. Do mãi mê làm việc nên bà T1 không chú ý đến M1 làm công việc gì. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, M1 đi vào phòng ngủ của bà T1 để dọn dẹp thì thấy ba lô màu đen, nhãn hiệu Adidas của bà T1 đặt tại nền nhà dưới cuối giường, M1 đi lại lục tìm bên trong ba lô thì thấy có 01 bó tiền được cột dây thun màu vàng với nhiều mệnh giá khác nhau và 02 bó tiền khác cột dây thun màu đen đặt bên cạnh. Thấy vậy, M1 dùng tay phải lấy bó tiền cột dây thun màu vàng, giấu vào ngăn giữa của tủ quần áo gần đó rồi đi xuống phòng chứa đồ gần khu vực bếp, lấy bọc nylon trắng rồi đi vào lại phòng ngủ của bà T1. M1 dùng tay phải lấy bó tiền cột dây thun màu vàng đang cất giấu ở ngăn giữa của tủ quần áo trong phòng ngủ của bà T1 bỏ vào bọc nylon này, buộc lại rồi cầm đem qua phòng ngủ dành cho khách bên cạnh, giấu bọc tiền dưới nệm giường ngủ.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày 06/12/2023, bà T1 vào kiểm tra ba lô thì phát hiện bó tiền trị giá 45.550.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng), cột dây thun màu vàng trong ba lô đã bị mất nên hỏi M1 có lấy không thì M1 trả lời là không lấy. Sau đó, bà T1 lục tìm lại trong nhà nhưng không tìm thấy nên đã đến Công an P, Quận H trình báo sự việc. Công an P, Quận H mời M1 về trụ sở làm việc. Qua làm việc, M1 thừa nhận là người đã lấy trộm tiền của bà T1. Công an P, Quận H lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q, M1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng vụ án: Số tiền 45.550.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do Nguyễn Thị Huyền M1 giao nộp là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim T1 bị M1 chiếm đoạt. Ngày 08/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng cách trả lại số tiền trên cho bà T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị Kim T1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 123/CT-VKS-Q8 ngày 04/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Huyền M1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Huyền M1 về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, do bị hại đã nhận lại tài sản và xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 09 giờ, ngày 06/12/2023, tại căn hộ A.03.08 Block A1, Tầng C, Chung cư G, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Nguyễn Thị Huyền M1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 45.550.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị Kim T1.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Huyền M1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Xét thấy, trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 45.550.000 đồng là gần mức cao nhất khung trị giá thiệt hại của tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là “... trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...”. Do đó, về trách nhiệm hình sự, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo cần phải nghiêm khắc mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thật sự ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi và trả lại cho bị hại thuộc trường hợp phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn; đồng thời, bị hại có đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

nên Hội đồng xét xử căn cứ các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 45.550.000 đồng (bốn mươi lăm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) do Nguyễn Thị Huyền M1 giao nộp là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim T1 bị M1 chiếm đoạt. Ngày 08/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Q đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng cách trả lại số tiền trên cho bà T1 là phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, bà Nguyễn Thị Kim T1 không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Kim T1 xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Huyền M1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc